

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25/8/2025
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Trần Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Mộng Linh.

2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

- Thư ký Phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long tham gia Phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Cẩm H, sinh năm 1990; Địa chỉ: TKB, xã QĐ, tỉnh Vĩnh Long. Chị H đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp TK, xã QĐ, tỉnh Vĩnh Long. Anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn đề nghị nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Vào năm 2008 chị và anh P tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/12/2008. Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh P có 01 con chung Nguyễn Quốc T, sinh ngày 09/6/2010. Hiện con chung đang sống chung với anh P. Thời gian đầu chị và anh P chung sống hạnh phúc, thời gian sau bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên cự cãi nhau nên từ năm 2020 đến nay chị và anh P không còn sống chung. Do hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích và kết quả hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh P. Sau khi ly hôn chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng cho chị.

- Về con chung: Chị đồng ý giao con chung Nguyễn Quốc T, sinh ngày 09/6/2010 cho anh P trực tiếp nuôi. Chị không cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu ngày 22/7/2025 bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh với chị H kết hôn vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, anh và chị H có đăng ký kết hôn theo quy định và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/12/2008. Quá trình chung sống anh và chị H có 01 con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 09/6/2010, hiện đang sống chung với anh.

Anh với chị H không còn sống chung hơn 10 năm nay, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau nên chị H bỏ nhà đi từ khoảng năm 2020 đến nay không trở về, hiện anh không biết chị H ở đâu, từ khi bỏ nhà đi đến nay chị H không trở về nhà lần nào, không điện thoại hỏi thăm con, không cấp dưỡng nuôi con chung. Khi anh và chị H không còn sống chung thì gia đình hai bên có hàn gắn cho anh và chị H vài lần, anh và chị H có quay lại chung sống khoảng 02-03 tháng thì chị H bỏ nhà đi đến từ khoảng tháng 11 năm 2020 đến nay. Anh nghe nói chị H có chung sống với người khác và có con chung rồi nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị H. Khi ly hôn anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho anh.

Về con chung: Hiện nay anh đi làm thuê thu nhập khoảng 8.000.000 đồng - 9.000.000 đồng/tháng. Anh đủ điều kiện nuôi con chung nên anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Anh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt anh trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia Pên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 53, 56; Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn P cư trú tại ấp TK, xã QĐ, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị Cẩm H và anh Nguyễn Văn P có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt .

[4] Về hôn nhân: Năm 2008 chị H và anh P tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/12/2008. Do đó, việc kết hôn và đăng ký kết hôn của chị H và anh P là phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị H cho rằng nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh P là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên cự cãi nhau nên từ năm 2020 đến nay chị và anh P không còn sống chung. Anh P cho rằng, anh với chị H không còn sống chung hơn 10 năm nay, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau nên chị H bỏ nhà đi từ khoảng năm 2020 đến nay không trở về, hiện anh không biết chị H ở đâu, từ khi bỏ nhà đi đến nay chị H không trở về nhà lần nào, không điện thoại hỏi thăm con, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Từ khi chị H và anh P không còn sống chung đến nay không ai quan tâm ai, anh P và chị H đều thừa nhận hiện nay tình cảm giữa anh và chị không thể hàn gắn được. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh P đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh P là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị H và anh P không yêu cầu cấp dưỡng vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: Chị H và anh P có 01 con chung Nguyễn Quốc T, sinh ngày 09/6/2010. Thấy rằng, từ khi chị H và anh P không còn sống chung thì anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, chị H đồng ý giao con chung cho anh P trực tiếp nuôi. Tại biên bản lấy ý kiến, cháu T trình bày có nguyện vọng sống cùng với anh P. Lẽ đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của H, giao cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 09/6/2020 cho anh P trực tiếp nuôi là phù hợp. Do anh P không yêu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Chị Võ Thị Cẩm H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Võ Thị Cẩm H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Văn P có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Do chị H và anh P trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Do chị H và anh P trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Võ Thị Cẩm H phải nộp theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 53, 56, 81, 82 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Võ Thị Cẩm H. Chị Võ Thị Cẩm H được ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Do chị H và anh P không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn P được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Quốc T, sinh ngày 09/6/2010. Do anh P không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Chị Võ Thị Cẩm H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Võ Thị Cẩm H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Văn P có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Do chị H và anh P trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Do chị H và anh P trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Cẩm H phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012372 ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại Pên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9-Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- UBND xã QĐ, tỉnh Vĩnh Long.
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PÊN TOÀ

Nguyễn Văn Miêng-Lê Mộng linh

Trần Thị Vân

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TOÀ

Trần Thị Vân